TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2024/HC-PT
Ngày: 19-7-2024
V/v:"Yêu cầu huỷ quyết định giải quyết khiếu nại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**
Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**
Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi-** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 115/2024/TLPT-HC ngày 15/5/2024 về việc *"Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1298/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn X, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức C - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Đ*:*

+ Ông Lê Tuấn L - Phó trưởng phòng T thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Văn H - Chuyên viên phòng Tài Nguyên & Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Võ Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa ông Võ Văn X *(viết tắt là người khởi kiện) trình bày:*

Năm 1988 gia đình người khởi kiện khai hoang, sử dụng đất và đến năm 1990 thì làm chuồng heo, nhà sàn để sử dụng khoảng 1.720m^2 đất (có cắm cọc làm ranh giới thửa đất), năm 1993 người khởi kiện xây dựng nhà ở kiên cố bằng gạch; diện tích 100m^2 đất thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35 phường Đ, người khởi kiện yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) là hố bom nằm trong diện tích 1.720m^2 đất nói trên, khoảng năm 1994 đến 1995 gia đình người khởi kiện đã cải tạo hố bom để nuôi cá và sử dụng ổn định đến năm 2017, không có tranh chấp. Sau khi có chủ trương thu hồi đất để xây dựng khu thương mại phía Bắc đường T, người khởi kiện san lấp áo cá nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ nên người khởi kiện đã làm thủ tục đề nghị được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này nhưng không được các cơ quan chấp nhận nên đã khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2896/QĐ-CT ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ đã không chấp nhận khiếu nại của người khởi kiện, do đó người khởi kiện đã khiếu nại lần 2; tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc không chấp nhận khiếu nại của người khởi kiện kiện, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2896/QĐ-CT ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ. Do đó người kiện khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ; huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 2896/QĐ-CT ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ, thành phố Đ và yêu cầu làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho người khởi kiện với diện tích 100m^2 đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35 phường Đ, thành phố Đ cho người khởi kiện.

Tại Công văn số 616/UBND-TNMT ngày 29/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Đ *trình bày:*

UBND thành phố Đ nhận được Thông báo số 01/2024/TLST-HC ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thụ lý vụ án hành chính số 01/2024/TLST-HC ngày 05/01/2024 về việc "Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại" giữa người khởi kiện là ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ với người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Đ. Theo

đó, Tòa án nhân dân tỉnh đề nghị UBND thành phố trình bày ý kiến đối với việc ông X yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ (lần 2). Sau khi xem xét hồ sơ và các giấy tờ liên quan, UBND thành phố có ý kiến như sau:

Ngày 07/3/2022, ông Võ Văn X gửi đơn khiếu nại UBND phường Đ không xác nhận hồ sơ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 66 m^2 thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35, phường Đ và được Chủ tịch UBND phường Đ giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X tại Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022, theo đó, tại Điều 1 của Quyết định nêu: "Không công nhận nội dung khiếu nại tại Đơn khiếu nại của ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 07/3/2022" với lý do: Ông X không cung cấp được giấy tờ chứng minh diện tích 66 m^2 tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35, phường Đ là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông.

Tất cả các giấy tờ pháp lý hiện lưu trữ tại UBND phường Đ gồm: Sơ đồ cấp đất nhà ở cho cán bộ, công nhân viên ngành ngân hàng tỉnh Quảng Bình năm 1990, bản đồ giải thửa năm 1993, bản đồ địa chính năm 1997 đều thể hiện là đất giao thông.

Việc sử dụng đất của ông X đối với phần diện tích đất nêu trên là do ông X lấn chiếm đường giao thông do Ngân hàng đổ đất từ năm 1989 để làm đường giao thông đi chung, không sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm, không sử dụng ổn định, liên tục.

Không đồng ý với Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X (lần đầu), ông Võ Văn X có đơn khiếu nại đề ngày 02/6/2022 và được Chủ tịch UBND thành phố thụ lý theo Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 01/7/2022. Quá trình xem xét, giải quyết khiếu nại, ông Võ Văn X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ pháp lý để chứng minh việc sử dụng đất của gia đình ông là đúng quy định pháp luật; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X (lần đầu) là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, ngày 13/01/2023, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ (lần hai) với nội dung không công nhận nội dung ông Võ Văn X khiếu nại đối với Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND phường Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X (lần đầu) là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, việc ông Võ Văn X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường

Đ, thành phố Đ (lần 2) là không có cơ sở. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, bác đơn khởi kiện của ông Võ Văn X.

Tại các phiên đối thoại và tại phiên toà Chủ tịch UBND phường Đ (viết tắt là người bị kiện) trình bày: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Võ Văn X, UBND phường Đ đã tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức liên quan đến việc khiếu nại và đã xác định diện tích 66m^2 đất ông X khiếu nại là diện tích đất đường giao thông do Ngân hàng làm để đi vào diện tích đất cấp nhà ở cho cán bộ Ngân hàng từ năm 1989. Mặt khác, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh 66m^2 tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35, phường Đ là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình người khởi kiện, do đó Chủ tịch UBND phường Đ giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Điều 96 và Điều 99 Luật đất đai năm 2013; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 và 41 Luật khiếu nại; Điều 22 và Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X *về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân phường Đ *về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; huỷ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố Đ *về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông* Võ Văn X*, trú tại* tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ*; buộc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 100m^2 đất, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35* phường Đ, thành phố Đ *cho người khởi kiện.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/4/2024, người khởi kiện ông Võ Văn X có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông X cho rằng Bản án sơ thẩm đã xét xử không đúng đường lối chính sách của Đảng và Luật đất đai, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Võ Văn X giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Văn X, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Võ Văn X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Kháng cáo của ông Võ Văn X là hợp lệ, trong thời hạn luật định, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc thửa đất mà ông X yêu cầu, xét thấy: Theo Tờ bản đồ 299 (được phê duyệt năm 1993) thì diện tích 66m^2 đất ông X yêu cầu làm thủ tục cấp GCNQSDĐ là đường giao thông; tại Tờ bản đồ số 39 phường Đ, được phê duyệt năm 1997, diện tích 66m^2 đất nói trên, thuộc thửa đất số 15 là đường giao thông; theo Tờ bản đồ số 35 phường Đ được phê duyệt năm 2014, thì diện tích 66m^2 đất ông X yêu cầu thuộc thửa đất số 78, trước đây là đường giao thông vào khu tập thể Ngân hàng (khi chia tỉnh năm 1989 cán bộ Ngân hàng được giao đất làm nhà ở phía trong khu vực này), do cán bộ Ngân hàng làm đường vào khu tập thể; theo sơ đồ cấp đất cho cán bộ Ngân hàng thì đường này rộng 7 mét, năm 1996 người khởi kiện có làm 01 quán nhỏ cạnh đường, khi mở đường Nguyễn An N, người khởi kiện tự ý mở cổng về phía đường này. Tuy nhiên, do việc đo vẽ và lập tờ bản đồ số 35 phường Đ được phê duyệt năm 2014 theo Dự án có sai sót khi dẫn đạc *(lúc dẫn đạc người khởi kiện có rào chiếm diện tích 66m^2 đất đường giao thông)* nên đã đo vẽ diện tích đất này vào thửa đất của người khởi kiện, quá trình thực hiện việc giải toả, đền bù các bên đã thống nhất đối với diện tích này; mặt khác, quá trình sử dụng ông X cũng không đăng ký, kê khai đối với thửa đất, không có giấy tờ tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng đất của mình là hợp pháp, thời điểm thu hồi giải tỏa theo Dự án mở đường Nguyễn An N ông X cũng đã thống nhất, không có thắc mắc gì, vì vậy, diện tích này có nguồn gốc là đường giao thông nên người khởi kiện không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ.

[2.2]. Xem xét quá trình sử dụng đất của ông X, xét thấy: Năm 2005, ông X kê khai và được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ lần đầu số AB 616096

ngày 01/4/2005, với diện tích 381,9m^2 (150m^2 đất ở và 231,9m^2 đất vườn) tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 39 phường Đ, thành phố Đ; thửa đất này có nguồn gốc của người khởi kiện được UBND phường Đ giao đất năm 1992. Năm 2018 thực hiện dự án nhà ở thương mại phía bắc đường T, năm 2018 gia đình ông X đã được bồi thường, hỗ trợ 768,6m^2 đất (gồm 100m^2 đất ở, 157,3m^2 đất vườn, 116,6m^2 đất trồng cây lâu năm và 394,7m^2 đất nuôi trồng thuỷ sản) và đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất và tài sản trên đất là 1.799.468.654 đồng, ông X không có khiếu nại gì liên quan đến việc bồi thường trong vụ án này.

Ngoài diện tích được cấp Giấy chứng nhận, diện tích đất đã thu hồi bồi thường nêu trên, ông X cho rằng còn 100m^2 (thực tế là 66m^2) là đất còn lại do ông sử dụng từ năm 1993 nên yêu cầu làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, như phân tích tại mục [2.1] nêu trên, yêu cầu của ông X là không có cơ sở.

[3]. Từ các nhận định nêu trên, xét thấy, Chủ tịch UBND phường Đ đã ban hành Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 về giải quyết khiếu nại lần 1, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 về giải quyết khiếu nại lần 2, là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung Luật đất đai qua các thời kỳ. Do đó, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc huỷ các Quyết định hành chính và bác yêu cầu làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 66m^2 đất, thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35 phường Đ của ông X là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn X kháng cáo, nhưng tại giai đoạn phúc thẩm ông X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị.

[4]. Quyết định về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm, ông Võ Văn X là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của ông Võ Văn X, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 96 và Điều 99 Luật đất đai năm 2013; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 và 41 Luật khiếu nại; Điều 22 và Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn X về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 2896/QĐ-CT ngày 06/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; huỷ Quyết định số 133/QĐ - UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Võ Văn X, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ; buộc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 100m^2 đất, tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 35 phường Đ, thành phố Đ cho người khởi kiện.

2. Quyết định về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, ông Võ Văn X được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi